TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2023/DS-ST
Ngày: 16-8-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Xuân Hiếu;

2. Ông Nguyễn Tấn Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 16/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 49/2023/TLST-DS ngày 09/3/2023 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2023/QĐXXST-DS ngày 26/6/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty Tài A; địa chỉ: Lầu A1, Tòa nhà B, số C đường D, phường Đ, Quận E, T1 phố Hồ Chí Minh, do ông F – Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện hợp pháp: Ông Võ Minh T, sinh năm 1985; địa chỉ: Lầu A1, Tòa nhà B, số C đường D, phường Đ, Quận E, T1 phố Hồ Chí Minh, do ông F – Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật, là người đại diện theo ủy quyền (*văn bản ủy quyền số 229/2023/UQ-LM-JIVS ngày 23/5/2023*).

2. *Bị đơn:* Ông Trần Viết B1, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện K, tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông Võ Minh T có mặt. Bị đơn ông Trần Viết B1 vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2023, quá trình tố tụng giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn A và đại diện nguyên đơn ông Võ Minh T trình bày***:

Ngày 18/01/2022, ông Trần Viết B1 có ký kết đối với A "Hợp đồng tín dụng" số CIF 000214759, số hợp đồng 205900002426456000 ngày 18/01/2022 với nội dung vay tiền để mua xe máy với hình thức trả góp hàng tháng. Theo "Hợp đồng tín dụng" ngày 18/01/2022, ông B1 vay số tiền 50.880.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất thỏa thuận theo từng tháng 3,5080 % (dư nợ giảm dần), lãi suất thỏa thuận theo từng năm là 42,0966%, mỗi tháng phải trả 3.171.120 đồng. Sau khi A giải ngân, ngày 14/02/2022 là ngày ông B1 phải trả tiền vay đầu tiên cho A nhưng cho đến nay ông B1 không trả được khoản tiền vay cho A. Việc ông B1 không trả được tiền vay cho A đã vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 3, 7, 8, 11 của "Hợp đồng tín dụng" ngày 18/01/2022, ảnh hưởng đến quyền lợi của A.

Theo đơn khởi kiện ngày 13/02/2023, A yêu cầu ông B1 phải thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 12/02/2023 là 75.809.967 đồng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết số 20590002426456000 ký ngày 18/01/2022. Ngoài ra, ông B1 vẫn phải chịu tiền lãi phát sinh do quá hạn, lãi quá hạn, các loại phí sau ngày 12/02/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết số 20590002426456000 ký ngày 18/01/2022.

Tại phiên tòa, A yêu cầu ông B1 phải thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/8/2023 là 76.848.582 đồng *(bảy mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm tám mươi hai đồng)* theo "Hợp đồng tín dụng" đã ký kết số 20590002426456000 ký ngày 18/01/2022. Ngoài ra, ông B1 vẫn phải chịu tiền lãi phát sinh do quá hạn, lãi quá hạn, các loại phí sau ngày 16/8/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết số 20590002426456000 ký ngày 18/01/2022.

- *Chứng cứ do nguyên đơn A cung cấp gồm*: Đơn khởi kiện ngày 13/02/2023; các Giấy phép thành lập và hoạt động A, Giấy thị thực, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; "Hợp đồng tín dụng" số CIF 000214759, số hợp đồng 205900002426456000 ngày 18/01/2022; Các Giấy ủy quyền; Giấy đề nghị vay kiêm phương án sử dụng vốn, xác nhận của các bên liên quan đến việc xác lập hợp đồng vay; Chứng minh nhân dân và Sổ hộ khẩu của ông B1; Bản tự khai ngày 01/6/2023 và ngày 16/8/2023, bảng kê tiền lãi chi tiết đến ngày 01/6/2023 và ngày 16/8/2023.

**** Quá trình tố tụng giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Viết B1***:

Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông B1, tuy nhiên ông B1 thường xuyên đi làm không có mặt ở nhà. Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng kết hợp với chính quyền địa phương đã thực hiện thủ tục niêm yết công khai nhưng phía ông B1 không cung cấp chứng cứ, không trình bày ý kiến và không tham gia giải quyết vụ án.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:***

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông Võ Minh T có mặt. Bị đơn ông Trần Viết B1 được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn ông B1 theo quy định. Quan hệ pháp luật tranh chấp "tranh chấp hợp đồng tín dụng". Về thủ tục tố tụng, không kiến nghị bổ sung hay khắc phục. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, đại diện nguyên đơn ông T có mặt; bị đơn ông B1 đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn B1 theo quy định.

[2] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông T xác định yêu cầu khởi kiện của A là yêu cầu ông B1 phải thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/8/2023 là 76.848.582 đồng *(bảy mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm tám mươi hai đồng)* theo "Hợp đồng tín dụng" đã ký kết số 20590002426456000 ký ngày 18/01/2022. Ngoài ra, ông B1 vẫn phải chịu tiền lãi phát sinh do quá hạn, lãi quá hạn, các loại phí sau ngày 16/8/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết số 20590002426456000 ký ngày 18/01/2022.

Xét thấy, bị đơn ông B1 có nơi cư trú tại ấp Hiệp Lộc, xã Định Hiệp, huyện Dầu Tiếng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại các Điều 26, 35, 36, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật là "tranh chấp hợp đồng tín dụng". Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông T có mặt, bị đơn ông B1 vắng mặt, các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử xét xử theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

A yêu cầu ông B1 phải thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/8/2023 là 76.848.582 đồng *(bảy mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm tám mươi hai đồng)* theo "Hợp đồng tín dụng" đã ký kết số 20590002426456000 ký ngày 18/01/2022. Ngoài ra, ông B1 vẫn phải chịu tiền lãi phát sinh do quá hạn, lãi quá hạn, các loại phí sau ngày 16/8/2023 cho đến

khi thanh toán hết nợ theo "Hợp đồng tín dụng" đã ký kết số 20590002426456000 ký ngày 18/01/2022. A cung cấp chứng cứ là "Hợp đồng tín dụng" đã ký kết số 20590002426456000 ký ngày 18/01/2022 giữa A với ông Trần Viết B1, Giấy đề nghị vay kiêm phương án sử dụng vốn, xác nhận của các bên liên quan đến việc xác lập hợp đồng vay; Chứng minh nhân dân và Sổ hộ khẩu của ông B1. Quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn ông B1 tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng ông B1 vắng mặt không có lý do; đồng thời ông B1 cũng không cung cấp chứng cứ, không cung cấp ý kiến của mình.

Theo quy định tại các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015, đến thời điểm xét xử, không có căn cứ nào xác định ông B1 đã thanh toán số tiền vay cho A nên ông B1 đã vi phạm thỏa thuận tại các Điều 3, 7, 8 của "Hợp đồng tín dụng" đã ký kết số 20590002426456000 ký ngày 18/01/2022. Do đó, ông B1 phải có trách nhiệm thanh toán số tiền vay còn thiếu tính đến ngày 16/8/2023 là 76.848.582 đồng *(bảy mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm tám mươi hai đồng)* theo quy định.

[4] Ngoài ra, ông B1 vẫn phải chịu tiền lãi phát sinh do quá hạn, lãi quá hạn, các loại phí sau ngày 16/8/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ theo "Hợp đồng tín dụng" đã ký kết số 20590002426456000 ký ngày 18/01/2022 giữa A với ông Trần Viết B1.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về phần thủ tục tố tụng, người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp cũng như nội dung đề nghị giải quyết là phù hợp pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông B1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 36, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Công ty A đối với ông Trần Viết B1.

1.1. Buộc ông Trần Viết B1 có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty A tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/8/2023 là 76.848.582 đồng (*bảy mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm tám mươi hai đồng)* theo "Hợp

đồng tín dụng" đã ký kết số 20590002426456000 ký ngày 18/01/2022 giữa A với ông Trần Viết B1.

1.2. Kể từ sau ngày 16/8/2023 cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ vay, ông Trần Viết B1 vẫn phải chịu tiền lãi phát sinh do quá hạn, lãi quá hạn, các loại phí sau ngày 16/8/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ theo "Hợp đồng tín dụng" đã ký kết số 20590002426456000 ký ngày 18/01/2022 giữa A với ông Trần Viết B1.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc ông Trần Viết B1 phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.842.429 đồng *(ba triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm hai mươi chín đồng)*.

2.2. Hoàn trả cho Công ty A toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.895.249 đồng (*một triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm bốn mươi chín đồng*) theo biên lai thu số AA/2021/0011462 ngày 27/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

3. Quyền kháng cáo:

3.1. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 16/8/2023).

3.2. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

4. Quyền yêu cầu thi hành án:

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Đồng